ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4401/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 27 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,0 ha) phục vụ thi công xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam và các công trình có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn tại mỏ TDHN14, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn của Công ty TNHH Tổng hợp Tín Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3925/STNMT-CCBVMT ngày 13/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,0 ha) tại mỏ TDHN14, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn của Công ty TNHH Tổng hợp Tín Thành;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trườngdự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,0 ha) phục vụ thi công xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam và các công trình có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn tại mỏ TDHN14, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 10/CV-TTTH ngày 17/11/2023 của Công ty TNHH Tổng hợp Tín Thành;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1428/TTr-STNMT ngày 27/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,0 ha) phục vụ thi công xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam và các công trình có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn tại mỏ TDHN14, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Tổng hợp Tín Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại tại mỏ mỏ TDHN14 thuộc xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND xã Hoài Sơn;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 5,0 HA) PHỤC VỤ THI CÔNG XÂY DỰNG CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC BẮC – NAM VÀ CÁC CÔNG TRÌNH CÓ SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TẠI MỎ TDHN14, XÃ HOÀI SƠN, THỊ XÃ HOÀI NHƠN CỦA CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP TÍN THÀNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 5,0 ha) phục vụ thi công xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam và các công trình có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn tại mỏ TDHN14 thuộc xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn.

- Địa điểm thực hiện: xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tổng hợp Tín Thành.

- Địa chỉ liên hệ: Khu phố Phụng Du 2, phường Hoài Hảo, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

- Điện thoại: 0914 462 775.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 5,0 ha.

- Thời hạn khai thác: 03 năm (dự kiến từ năm 2023 – 2025); theo tiến độ thi công xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam và các công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh Bình Định: 191.137 m^3 đất địa chất.

- Công suất khai thác:

+ Năm thứ 1: 30.730 m^3 đất địa chất/năm (phục vụ thi công các điểm tái định cư số 01, 02, 03, 04 thuộc khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn).

+ Năm thứ 2 và thứ 3: 61.223 m^3 đất địa chất/năm (phục vụ thi công các

công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn).

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự khai thác: Năm thứ nhất thực hiện khai thác với diện tích 0,97 ha; năm thứ 2 thực hiện khai thác với diện tích 1,92 ha; năm thứ 3 thực hiện khai thác với diện tích 2,11 ha. Sau khi kết thúc khai thác từng năm, thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường (san gạt, trồng cây).

- Phương pháp khai thác: Vị trí mở vỉa đầu tiên tại phần diện tích có cao độ +90 phía Tây Bắc khu mỏ (ở giữa điểm góc số 01 và điểm góc số 02), thực hiện khai thác theo hướng từ trên xuống dưới, cao độ kết thúc khai thác thấp nhất +30. Địa hình kết thúc khai thác thoải từ phía Bắc về phía Tây Nam, Đông Nam (cao hơn địa hình ở hạ lưu, không tạo hố sâu cục bộ). Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m^3) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ (trừ phần ranh giới phía Bắc mỏ) có tổng chiều dài 445 m, mương thu gom nước dọc hai bên tuyến đường công vụ có tổng chiều dài 567 m; 03 hố giảm tốc (phía Nam, phía Đông và phía Tây mỏ); 02 bãi lưu chứa đất tầng phủ để phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác từng năm.

- Tuyến đường giao thông: Tuyến đường công vụ trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 283,5 m.

- Khu vực phụ trợ phía Tây mỏ (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.900 m^2 để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy phía hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 1,44 m^3/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,…

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 5.665,68 m^3/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất trên diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 5,0 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến đến phục vụ thi công xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam và các công trình có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,…) phát sinh khoảng 10,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm; pin, ắc quy thải (Mã chất thải: 16 01 12) khoảng 03 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 15 kg/năm.

- Khối lượng đất bốc tầng phủ giữ lại để cải tạo, phục hồi môi trường khoảng 15.000 m^3 (trong đó: năm khai thác thứ nhất phát sinh khoảng 2.910 m^3; năm khai thác thứ 2 phát sinh khoảng 5.754 m^3, năm thứ 3 phát sinh khoảng 6.336 m^3).

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, nguy cơ sa bồi xuống khu vực hạ lưu, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,…

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ khoảng 445 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy nhỏ 1,5 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường công vụ có tổng chiều dài khoảng 567 m (kích thước: đáy lớn 1,2 m x đáy bé 0,4 m x sâu 0,5 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 1 phía Nam mỏ (tọa độ: 1.617.640; 581.308), thể tích khoảng 150 m^3 (diện tích 50 m^2, sâu 3 m); hố giảm tốc số 2 phía Đông mỏ (tọa độ: 1.617.809; 581.458), thể tích khoảng 375 m^3 (diện tích 125 m^2, sâu 3 m); hố giảm tốc số 3 phía Tây mỏ (tọa độ: 1.617.765; 581.144), thể tích khoảng 240 m^3 (diện tích 80 m^2, sâu 3 m). Kết cấu các hố giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây Nam, một phần diện tích phía Đông Nam mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ (dọc theo ranh giới phía Tây Nam và một phần ranh giới phía Đông Nam mỏ) → hố giảm tốc số 01 phía Nam (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Nam mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Bắc mỏ, một phần diện tích phía Đông Nam mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ (dọc theo ranh giới phía Đông Bắc và một phần ranh giới phía Đông Nam mỏ) → hố giảm tốc số 02 phía Đông (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Đông mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây Bắc mỏ → mương thu gom dọc đường mở mỏ → hố giảm tốc số 03 phía Tây (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Tây mỏ.

+ Nước mưa hai bên tuyến đường nội bộ mỏ → hố giảm tốc số 03 phía Tây mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Tây mỏ.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển từ khu vực mỏ đến công trình (tại các vị trí qua khu dân cư, các công trình xây dựng,…) và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất bốc tầng phủ được tập kết tại 02 bãi chứa tạm: bãi chứa tạm số 01 diện tích khoảng 2.900 m^2 (tọa độ: 1.617.854; 581.352; để san gạt, phục hồi môi trường phần diện tích khai thác sau khi kết thúc năm thứ nhất và thứ 02) và bãi chứa tạm số 02 diện tích 2.120 m^2 (tọa độ: 1.617.720; 581.380; để san gạt, phục hồi môi trường phần diện tích khai thác sau khi kết thúc thứ 3). Kết cấu bãi chứa tạm được gia cố và tạo bờ bao xung quanh đảm bảo để hạn chế sạt lở.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ

lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường (san gạt, trồng cây) theo trình tự cuốn chiếu hàng năm, cụ thể diện tích phục hồi môi trường từng năm như sau: Năm 1: 0,97 ha; năm 2: 1,92 ha và năm 3: 2,11 ha. Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	**Khu vực mỏ**				
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	7	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m^3	15.000	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Tây Nam, Đông Nam, Đông Bắc mỏ thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu, tiến hành san gạt đến đó. Hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc hàng năm
3.	San gạt tuyến đường vận chuyển	m^3	404	Tạo bề mặt bằng phẳng, trả lại hiện trạng	Sau khi kết thúc khai thác
4.	San lấp mương thu nước và hố giảm tốc	m^3	1.929,8	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m^2	40		Sau khi kết thúc khai thác
6.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	5,0	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
7.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	5,0	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng hàng năm

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: **487.900.000 đồng** *(Bốn trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn.)*

- Số lần ký quỹ: 03 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 121.976.000 đồng; thời điểm kỹ quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, lần 3, số tiền: 182.962.000 đồng/lần, thời điểm ký quỹ: việc ký quỹ từ lần thứ 2 trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày,

kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Thường xuyên nạo vét, gia cố hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu xảy ra hiện tượng sa bồi ảnh hưởng diện tích đất trồng sản xuất phía hạ lưu, Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.